

Bản án số: 117/2021/HSST

Ngày: 01/11/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Văn Huệ

2. Bà Lê Thị Tụ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Kim Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Ông Nguyễn Nhật Tân - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 1.

Ngày 01 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 119/2021/TLST-HS ngày 11 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 993/2021/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo:

LDD, sinh ngày 27 tháng 9 năm 2000, tại Nam Định; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 8/10/616 PVM, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; chỗ ở hiện nay: Không nơi cư trú ổn định; nghề nghiệp: Cắt tóc; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lã Việt A và bà Hoàng Thị P; chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 13 tháng 3 năm 2021 tại nhà tạm giữ Công an Quận 1. (có mặt)

Người bị hại: Bà Nguyễn Ngọc Trúc Q, sinh năm: 1997; chỗ ở hiện nay: Phòng số 4, tầng 14, chung cư SGM, đường 9A, xã BH, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Thị Minh T, sinh năm: 1991; chỗ ở hiện nay: C4, tầng 14, Block C, chung cư SGM, đường 9A, xã Bình Hưng, huyện BH, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- Ông Lư Bát T, sinh năm: 1999; chỗ ở hiện nay: 152/36/1 L, Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- Bà Trần Ngọc Y, sinh năm: 1996; chỗ ở hiện nay: 57/1B ấp TH, xã B, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- Ông Lê Kim T, sinh năm: 1985; chỗ ở hiện nay: 6/5 LL, trị trấn D, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 01 năm 2021, bị cáo LDD quen biết bà Nguyễn Ngọc Trúc Q qua mạng xã hội facebook. Ngày 17 tháng 01 năm 2021, bị cáo nói với bà Q chụp ảnh khỏa thân cho bị cáo xem, bà Q đồng ý chụp ảnh, quay clip khỏa thân gửi cho bị cáo. Sau khi nhận được hình ảnh, clip của bà Q gửi, do cần tiền tiêu xài bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bà Q. Bị cáo lên trang Facebook “Nợ xấu Sài Gòn” lấy hình căn cước công dân của Đặng Nguyễn Thanh T, sử dụng số điện thoại di động 0932242997 của bị cáo lưu tên là “Tùng Sói” trong danh bạ của số điện thoại di động 0707564444 rồi liên lạc với bà Q. Bị cáo nói “Tùng Sói” có những hình ảnh, clip nêu trên của bà Q và yêu cầu bà Q đưa tiền cho bị cáo, nếu không đưa tiền “Tùng Sói” sẽ tung ảnh khỏa thân của bà Q lên mạng. Để bà Q tin “Tùng Sói” là có thật, sợ và đưa tiền cho bị cáo, bị cáo gửi hình ảnh các đối tượng là thanh niên cầm hung khí, các tin nhắn nói chuyện giữa bị cáo và “Tùng Sói” cho bà Q; gửi hình ảnh, clip của bà Q cho bà Lê Thị Minh T là bạn của bà Q. Do lo sợ hình ảnh của mình bị phát tán, ảnh hưởng đến uy tín, danh dự, nhân phẩm nên bà Q đã đưa tiền cho bị cáo D, cụ thể:

- Ngày 17 tháng 01 năm 2021, bị cáo gửi hình ảnh, clip khỏa thân của bà Q cho bà T nói để bà Q sợ, liên lạc với bị cáo và yêu cầu bà Q đưa cho bị cáo số tiền 2.000.000 đồng. Do lo sợ bị cáo phát tán hình ảnh, clip trên, bà Q chuyển khoản cho bị cáo số tiền 2.000.000 đồng từ tài khoản số 5357177 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu của bà Q đến tài khoản số 45010006212265 tên LDD mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Sau đó, bị cáo tiếp tục nhắn tin cho bà Q yêu cầu đưa thêm cho bị cáo 3.000.000 đồng thì mới xóa hết hình ảnh, clip nên bà Q đã chuyển khoản cho bị cáo số tiền 3.000.000 đồng.

- Ngày 22 tháng 02 năm 2021, bị cáo nhắn tin cho bà Q nói do “Tùng Sói” yêu cầu nên bị cáo mới đe dọa bà Q, bà Q phải đưa tiền cho bị cáo để đưa “Tùng

Sói”, nếu không thì hình ảnh, clip của bà Q sẽ bị phát tán. Do lo sợ, bà Q chuyển khoản cho bị cáo số tiền 5.000.000 đồng từ tài khoản số 19035380766018 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam và 1.000.000 đồng từ tài khoản số 5357177 của bà Q đến tài khoản số 19032709756011 tên LDD mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam; nhờ bạn là ông Lê Kim Tùng chuyển khoản cho bị cáo số tiền 1.000.000 đồng từ tài khoản số 4221512919303150 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín.

- Vào các ngày 25 tháng 02 năm 2021, ngày 01, 04 tháng 3 năm 2021 bị cáo gửi hình ảnh đang nhắn tin với “Tùng Sói” cho bà Q có nội dung: “xác nhận xong nhà con bé Q”, gửi hình ảnh người thân của bà Q, nói bà Q đưa bị cáo số tiền 20.000.000 đồng để bị cáo đưa cho “Tùng Sói”. Khoảng 22 giờ ngày 04 tháng 3 năm 2021 tại số 210 Trần Hưng Đạo, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, bà Q đưa cho bị cáo số tiền 1.000.000 đồng và nhờ bạn là ông Lư Bát T chuyển khoản cho bị cáo số tiền 19.000.000 đồng từ tài khoản số 6504717 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu của ông T đến tài khoản số 19032709756011 của bị cáo.

- Ngày 06 tháng 3 năm 2021, bị cáo nhắn tin cho bà Q nói “Tùng Sói” đòi đưa thêm 3.000.000 đồng nên bà Q chuyển khoản cho bị cáo số tiền 3.000.000 đồng từ tài khoản số 19035380766018 đến tài khoản số 19032709756011 của bị cáo.

- Ngày 07 tháng 3 năm 2021, bị cáo yêu cầu bà Q đưa bị cáo số tiền 20.000.000 đồng “sẽ chấm dứt mọi chuyện”. Khoảng 10 giờ ngày 13 tháng 3 năm 2021 tại trước số 16 Alexandre de Rhodes, phường Bến Nghé, Quận 1, bị cáo gặp bà Q để nhận tiền thì bị Công an Quận 1 bắt giữ bị cáo cùng vật chứng, tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Riêng số tiền 35.000.000 đồng chiếm đoạt của bà Q, bị cáo đã tiêu xài hết.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo LDD khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. (Bút lục 54-90; 99-180)

Bản cáo trạng số: 122/CT-VKSQ1 ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 đã truy tố bị cáo LDD về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm b, d khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh tụng: Sau khi kiểm tra đầy đủ các chứng cứ buộc tội, gỡ tội và các tình tiết khác của vụ án, bị cáo đã thừa nhận hành vi sai trái do bị cáo gây ra tương tự như nội dung bản cáo trạng đã nêu, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp định khung hình phạt là phạm tội có tính

chuyên nghiệp, tài sản chiếm đoạt có giá trị trên 50.000.000 đồng nên có đủ cơ sở để kết luận bị cáo đã phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm b, d khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 170; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm tù, miễn hình phạt tiền cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng của vụ án:

- Số tiền 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng), bị cáo D đã bồi thường cho bà Q và bà Q không có yêu cầu nào khác nên không xét.

- Số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), Cơ quan điều tra Công an Quận 1 đã thu hồi và trả lại bà Q, bà Q không có yêu cầu nào nên không xét.

- 01 đĩa CD chứa dữ liệu ghi âm, ghi hình của bị cáo D tiếp tục lưu hồ sơ.

- 02 bản cam kết về việc giao nhận tiền giữa bị cáo D và bà Q cần tiếp tục lưu hồ sơ.

- 01 điện thoại di động hiệu Mastel, số Imei 1: 355767047257220, số Imei 2: 355767047257238; 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu đen, số Imei: 353053094127331 cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 xe mô tô Honda Wave màu đỏ đen biển kiểm soát: 83P1-12346, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 đã trả lại cho bà Trần Ngọc Yến là chủ sở hữu nên không xét.

- 01 căn cước công dân số: 790206065494 tên LDD cần trả lại bị cáo.

- 01 ví màu đen; 01 áo khoác jean; 01 áo thun màu đen; 01 quần dài màu đen; 01 đôi giày màu đen, bị cáo D không nhận lại, cần tiêu hủy.

Tại phiên tòa, bị cáo D đã khai nhận hành vi phạm tội như kết luận điều tra và cáo trạng truy tố, bị cáo không có ý kiến tranh tụng gì và nói lời sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và vụ án còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như biên bản hoạt động điều tra, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, bản tường trình, bản tự khai, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ vật chứng; biên bản kiểm tra điện thoại di động; sao kê tài khoản của bị cáo, bà Q,... nên có căn cứ để kết luận: Bị cáo đã có hành vi đe dọa, dùng thủ đoạn nhằm uy hiếp tinh thần buộc bị hại bà Q phải giao tiền để bị cáo chiếm đoạt. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận bị cáo D đã phạm vào tội “Cưỡng đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với quyết tâm cao, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự tình hình trị an tại địa phương. Bị cáo đã có hành vi đe dọa, uy hiếp tinh thần bị hại nhiều lần làm cho bị hại lo sợ ảnh hưởng đến uy tín, danh dự, nhân phẩm và công việc nên đã giao tiền cho bị cáo nhiều lần, với tổng số tiền 55.000.000 đồng để bị cáo chiếm đoạt tiêu xài, làm nguồn sống chính trong khoảng thời gian dài. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp định khung hình phạt phạm tội có tính chuyên nghiệp, tài sản chiếm đoạt có giá trị trên 50.000.000 đồng được quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự nên cần có mức án nghiêm khắc để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; phạm tội khi chưa có tiền án, tiền sự. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 170 Bộ luật Hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét xử miễn hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng của vụ án:

- Đối với số tiền 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng), bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại. Bị cáo đã bồi thường cho bà Q và bà Q không yêu cầu bị cáo bồi thường về trách nhiệm dân sự nào khác nên Hội đồng xét xử không xét. Bị hại bà Q có nhờ bạn là ông Lê Kim T, ông Lư Bát T chuyển khoản cho bị cáo theo đề nghị của bị hại bà Q là quan hệ giữa các bên. Trường hợp các bên có phát sinh tranh chấp về số tiền bà Q nhờ chuyển khoản cho bị cáo thì dành cho các bên trong vụ án khác.

- Đối với số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) là vật chứng vụ án, Cơ quan điều tra Công an Quận 1 đã thu hồi và trả lại bà Q, bà Q không có yêu cầu nào nên Hội đồng xét xử không xét.

- Đối với 01 đĩa CD chứa dữ liệu ghi âm, ghi hình của bị cáo D tiếp tục lưu hồ sơ.

- Đối với 02 bản cam kết về việc giao nhận tiền giữa bị cáo D và bà Q cần tiếp tục lưu hồ sơ.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Mastel, số Imei 1: 355767047257220, số Imei 2: 355767047257238; 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu đen, số Imei: 353053094127331 thu giữ của bị cáo. Tại phiên tòa bị cáo khai điện thoại di động hiệu Mastel sử dụng để nhắn tin đe dọa bị hại, điện thoại di động hiệu Iphone X màu đen sử dụng để gửi hình ảnh cho bị hại nhằm thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 xe mô tô Honda Wave màu đỏ đen biển kiểm soát 83P1-12346. Qua xác minh xe của bà Huỳnh Ngọc H, sinh năm: 1979, trú tại ấp Phước An A, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng đứng tên chủ sở hữu. Bà Trần Ngọc Y khai, mẹ bà là bà H giao cho bà sử dụng xe mô tô trên, bà có cho bị cáo mượn xe để sử dụng

nhưng không biết bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Ngày 29 tháng 3 năm 2021, bà H đã ủy quyền cho bà Y nhận lại xe và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 đã trả lại cho bà nên Hội đồng xét xử không xét.

- Đối với 01 căn cước công dân số 790206065494 tên LDD thu giữ của bị cáo. Xét đây là giấy tờ nhân thân của bị cáo cần trả lại bị cáo.

- Đối với 01 ví màu đen; 01 áo khoác jean; 01 áo thun màu đen; 01 quần dài màu đen; 01 đôi giày màu đen thu giữ của bị cáo là tài sản của bị cáo; tại phiên tòa bị cáo không nhận lại và xét không còn giá trị sử dụng nên cần tiêu hủy.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên án về tội cưỡng đoạt tài sản: Tuyên bố LDD phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 170; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; phạt bị cáo LDD 04 (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13 tháng 3 năm 2021.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015,

Lưu hồ sơ vụ án 01 (một) đĩa CD chứa dữ liệu ghi âm, ghi hình của bị cáo LDD.

Lưu hồ sơ vụ án 02 (hai) bản cam kết về việc giao nhận tiền giữa bị cáo LDD và bà Nguyễn Ngọc Trúc Q.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại hiệu Mastel, số Imei 1: 355767047257220, số Imei 2: 355767047257238; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone X màu đen, số Imei: 353053094127331.

Trả lại bị cáo LDD 01 (một) căn cước công dân số 790206065494 tên LDD.

Tiêu hủy 01 (một) ví màu đen; 01 (một) áo khoác jean; 01 (một) áo thun màu đen; 01 quần dài màu đen; 01 (một) đôi giày màu đen.

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 75/21-PNK ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh).

Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo LDD phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bị cáo LDD có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND Quận 1, TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 1, TP.HCM;
- Công an Quận 1, TP.HCM;
- Phòng PC 53;
- Sở Tư pháp TP. HCM
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Ngọc Tuấn